

96-16-229/106

BỘ CÔNG NGHIỆP NHE
VIỆN CÔNG NGHIỆP DỆT SỢI

NGHIÊN CỨU TẠO GIỐNG DÂY TẦM CÔNG
NGHỆ VÀ THIẾT BỊ ƯƠM TƠ XỬ LÝ PHẾ
LIỆU TƠ TẦM VÀ TẠO MẶT HÀNG MỚI

1991 - 1995

2603
2616/96

BÁO CÁO ĐỀ TÀI : KC 07 03

MỤC LỤC

-+-

	<u>Trang</u>
Trang thông tin	0
Lời mở đầu	1
Quá trình thực hiện :	
Chương I . Nghiên cứu tạo giống dâu mới	3
Chương II. Nghiên cứu tạo 4 giống tằm mới	11
Chương III.Thiết kế một số máy trong dây truyền thiết bị ương tơ	20
A.Thiết kế máy nấu 20 Tấn/năm	
B.Thiết kế máy tằm ướt tơ găng con	
Chương IV. Nghiên cứu tạo một số mặt hàng dệt kim từ tơ tằm	33
Chương V. Xử lý phế liệu tơ tằm	45
Kết luận và kiến nghị	83
Sản phẩm của đề tài	86
Tài liệu tham khảo	87
Phụ lục	88

ỦY BAN KHOA HỌC NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRUNG TÂM THÔNG TIN-TU LIỆU

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 1993

Căn cứ Quyết định 271/QĐ ngày 6-6-1980 và Quyết định 478/TCCB ngày 18-9-1990 của Ủy ban khoa học nhà nước về công tác đăng ký nhà nước đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ và nộp báo cáo kết quả nghiên cứu

**CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Số đăng ký: 22-16-114 /DT

Tên đề tài: Nghiên cứu tạo giống dâu tằm, công nghệ và thiết bị ương tơ, xử lý phế liệu tơ và tạo mặt hàng mới

Mã số đề tài (nếu có): KC-07-03

Thuộc Chương trình (nếu có): KC-07

Số Hợp đồng (nếu có):

Thời gian bắt đầu: 1/1991

Dự kiến kết thúc: 10/1993

Chủ nhiệm đề tài: Phạm Văn Thụy

Cơ quan chủ trì: Viện Công nghiệp dệt sợi. Bộ CN nhẹ

Cơ quan quản lý: Bộ khoa học-Công nghệ và môi trường

Hồ sơ số: 7037, lưu tại Trung tâm thông tin-tu liệu KH-CN quốc gia,
24 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

TL. CHỦ NHIỆM ỦY BAN KHOA HỌC NHÀ NƯỚC

HE/ Giám đốc

TRUNG TÂM THÔNG TIN-TU LIỆU

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA



PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Thụy

1. Cơ quan chủ trì :
Viện công nghiệp Dệt Sợi
326D Minh Khai- Hà nội
Điện thoại : 8624025

2. Cơ quan chủ quản:
Bộ Công nghiệp nhẹ
7 Tràng Thi - Hà nội
Điện thoại: 8253831

3. Tên đề tài :

Nghiên cứu tạo giống dâu tằm , công nghệ và thiết bị
u om tơ xử lý phế liệu tơ tằm và tạo mặt hàng mới .

4. Mã số :
KC 07 C3

5. Số đăng ký :
93-16-114/ĐT

6. Chỉ số phân loại

7. Tác giả :

- Phạm văn Thụy . KS
- Nguyễn văn Thuận . PTS

- Trần Quốc Thịnh .PTS.PGS
- Tô thị Tường Vân .PTS

Những người tham gia đề tài:

1. Phạm văn Thụy	KS	13. Phạm thị Minh Châu	KS
2. Nguyễn văn Thuận	PTS	14. Nguyễn thị Thủy	KS
3. Trần Quốc Thịnh	PTS.PGS	15. Phạm thị Hoàng	KS
4. Tô thị Tường Vân	PTS	16. Hoàng thị Loan	KS
5. Bạch Khánh Thi	KS	17. Nguyễn Kim Thanh	KS
6. Trần Mộng Lân	KS	18. Hoàng Thu Hà	KS
7. Nguyễn văn Dương	KS	19. Lê thị Hà	KS
8. Vũ Trọng Thơ	KS	20. Đinh thị Lành	KS
9. Cù Lưu Vương	KS	21. Trương Phi Nam	KS
10. Trần Ngọc Lành	KS	22. Hoàng Sĩ Phong	KS
11. Nguyễn văn Sơn	KS	23. Trần Đức Vương	TC
12. Nguyễn thị Việt Hà	KS		

8. Tóm tắt nội dung :

1. Tạo 2 giống dâu mới, 4 giống tầm lương hệ mới cho năng suất cao phẩm chất tốt .

Nhân rộng và đưa vào sản xuất các giống mới lai tạo nêu trên đồng thời tiếp tục công tác lai tạo tìm các giống dâu, giống tầm tốt ổn định sản xuất.

2. Thiết kế bỏ xung vào dây chuyền thiết bị uôm tơ máy nầu kén 20 Tấn/năm và máy tầm ứt tơ găng con.

3. Nghiên cứu công nghệ và sản xuất thử một số mặt hàng dệt kim tơ tầm và tơ tầm pha các loại sợi khác nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước .

4. Nghiên cứu xử lý tơ phế bao gồm các nội dung:

- Nghiên cứu quy trình công nghệ xử lý tạo nguyên liệu xơ tơ tầm cắt ngắn để kéo sợi .

- Nghiên cứu thiết kế chế tạo một số thiết bị trong khâu chuẩn bị tạo nguyên liệu bông xơ tơ tầm cắt ngắn.

- Nghiên cứu chế thử một số sản phẩm từ phế liệu tơ tầm.

9. Từ khoá

10. ISSN

11. ISEN

12. Phân loại
báo mật

13. Số trang

14. Số bản

15. Ngày xuất bản

Nhận xét của người nhận:

LỜI MỞ ĐẦU

---+---

Trong những năm gần đây ngành dâu tằm ươm tơ dệt lụa ở nước ta đã phát triển ở nhiều vùng trong cả nước: Thái Bình, Nam Hà, Hà Tây, Đà Nẵng ... đặc biệt là Lâm Đồng hiện được đánh giá là " thiên đường " của dâu tằm. Tại Lâm Đồng đã được đầu tư khá mạnh về các mặt: Trồng dâu tăng trưởng về diện tích, đồng thời xây dựng nhiều xí nghiệp nuôi tằm ươm, tơ hiện đại trang bị máy ươm tơ tự động có công suất lớn. Tuy nhiên về giống dâu giống tằm vẫn còn kém, các sản phẩm sản xuất ra như: lụa, tissor, satin, crêp ... chất lượng còn quá kém so với nước ngoài. Riêng phần xử lý phế liệu ươm tơ, ở các nước phát triển (có ngành dâu tằm) thì phế liệu ươm tơ đã trở thành nguyên liệu thứ 2 của ngành dâu tằm (sau tơ nồn). Còn ở nước ta phế liệu tơ tằm chưa nơi nào nghiên cứu sản xuất tạo các mặt hàng có giá trị - mà còn ở mức thu gom bán phế liệu.

Do những đặc điểm trên đề tài KC 07 03 được hình thành với nội dung:

- Về giống dâu: Nghiên cứu lai tạo tìm ra ít nhất 2 giống dâu mới có phẩm chất tốt: cho năng suất và chất lượng cao, thích hợp thổ nhưỡng từng vùng để trồng có khả năng chống chịu sâu bệnh tốt.

Từ các giống mới tìm được nghiên cứu quy trình công nghệ thâm canh để phổ biến phát triển đại trà.

- Về giống tằm:

Nghiên cứu lai tạo tìm ra 4 giống tằm mới cho năng suất và chất lượng cao và xây dựng quy trình nuôi và chăm sóc các giống tằm mới tạo nhằm phát triển đại trà.

- Bổ xung một số thiết bị trong dây truyền ươm tơ:

Đề tài đã đăng ký: Thiết kế máy nấu kén 20 Tấn/năm với dây đủ bản vẽ chế tạo để các cơ sở có yêu cầu chế tạo được ngay. Đồng thời thiết kế và chế tạo máy tằm ướt tơ gang con - nhằm nâng cao chất lượng tơ sống - tăng giá trị xuất khẩu.

- Tạo một số sản phẩm tơ tằm mới:

Đề tài đã đăng ký nghiên cứu tạo một số mặt hàng dệt kim từ tơ tằm 100% và tơ tằm pha với sợi khác ...

- Phần xử lý phế liệu tơ :

Trong đề cương 5 năm đề tài KC 07 03 mới chỉ đăng ký tạo ra củi tơ tằm . Nhưng những năm sau đề tài đã thăm dò và phát triển thuận lợi nên đã bổ xung các nội dung tạo ra sợi và một số sản phẩm từ sợi (Spun Silk) do đề tài thực hiện.

Đến nay cả 5 nội dung trên đề tài KC 07 03 đã lần lượt hoàn thành . Trong đó có 1 số nội dung đã hoàn thành vượt kế hoạch hợp đồng. Trong bản báo cáo này chúng tôi xin trình bày tiến trình và kết quả đã đạt được của từng nội dung .

QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ

-----++++-----

CHƯƠNG I : Nghiên cứu tạo giống dâu mới

Giai đoạn cuối những năm 80 (khi còn là trạm nghiên cứu dâu tầm tỳ Bão lộc) Trung tâm đã chọn được giống dâu Bàu đen là giống dâu địa phương lai Lâm Đồng (lúc đó) phẩm chất tốt chống chịu sâu bệnh và thời tiết... Tuy nhiên giống Bàu đen có nhược điểm là : lá nhỏ nên năng suất thấp vì vậy từ năm 1991 - 1992 tham gia đề tài KC 07 03 Trung tâm đã tiến hành lai tạo nhằm chọn 2 giống dâu có năng suất cao phẩm chất tốt... thích hợp với vùng đất Lâm Đồng và một số tỉnh phía Nam ...

Từ hàng chục giống dâu , qua lai tạo theo dõi các đặc điểm sinh vật học bao gồm các yếu tố cấu thành năng suất, khả năng chống chịu sâu bệnh và điều kiện ngoại cảnh... Đề tài đã từng bước tiến hành lai tạo chọn giống nhân giống... dần dần đã chọn được 25 cặp dâu lai . Từ 25 cặp dâu lai Trung tâm đã tuyển chọn dần được 2 giống: VA.186 ; S70B và S28 bước đầu đã thể hiện nhiều đặc tính tốt : (so sánh với giống đối chứng Bàu đen)

1. Đặc điểm về sinh vật học :

a) Đặc trưng cơ bản:

- 2 giống VA186 và S70B đều mọc theo dạng bụi .Giống VA186 phân cành cấp I, II nhiều hơn S70B và Bàu đen .
- Lá của S70B lớn hơn. Trọng lượng bình quân 3,5-3,7gr/lá
VA186 lá nhỏ và nhẹ hơn bình quân 2 - 2,5gr/lá
- Thu hoạch lá hàng năm của S70B từ 6 - 7 lứa lá
của VA186 từ 6 - 9 lứa (tương đương Bàu đen)

b) Năng suất lá :

Với mức đầu tư 20 tấn phân hữu cơ/ha vào đầu năm ;
20 T vào các năm sau cùng với hàng năm bón mỗi ha 600 Kg
phân NPK 16 : 16 : 8 sau 3 năm theo dõi thấy cả 2 giống mới
so với Bàu đen có năng suất lá vượt từ 33 - 46 %

Thứ tự về năng suất lá :

S7CB > VA186 > Bàu đen

So sánh năng suất lá dâu

Bảng 1

STT	Tên giống	Năng suất Tấn/ha	Ghi chú
1	S7CB	20 - 22	
2	VA186	17 - 18	
3	Bàu đen	12 - 13	

2. Chất lượng lá dâu :

- Qua phân tích thành phần sinh hoá của lá dâu thấy hàm lượng : Protein, glucit, lipit... của 2 giống VA186 , S7CB tương đương với Bàu đen

- Chất lượng lá qua kiểm định nuôi tằm (xem bảng)

Chất lượng lá dâu kiểm định qua nuôi tằm

Bảng 2

T.T	Giống dâu	Sức sống tằm nhộng (%)	Tiêu hao Kg lá/Kg kén	Ghi chú
1	S7CB	92,78	8,04	
2	VA.186	91,22	8,35	
3	Bàu đen	85,00	8,53	

3. Khả năng đề kháng sâu bệnh :

Qua khảo sát khả năng đề kháng 1 số sâu bệnh chính :

- Bệnh bạc thân (phyllactiria corylea)
- Bệnh đốm lá (cereospora moricola)
- Bệnh rỉ sắt (Aecidium moricola)
- Bệnh biến vàng trên lá (Mycoplasma)

.....

Thấy rằng:

- Giống dâu S70B có tính đề kháng cao và tương đương Bàu đen.

- Giống VA 186 cũng có tính đề kháng khá tốt

Tổng hợp 3 đặc tính trên cho thấy 2 giống dâu mới VA186 và S70B có phẩm chất tốt :

- Dễ trồng, tỷ lệ cây sống đạt trên 90 %

- Dễ chăm sóc .

- Khả năng phòng trừ sâu bệnh tốt .

- Thích hợp với khu vực Lâm đồng

- Năng suất những năm đầu gần 15 - 18 Tấn lá/ha (so với các giống nguyên chủng là chội hơn hẳn).

Từ những kết quả trên năm 1994 đề tài đã tiến hành nhân 2 giống dâu trên, đồng thời tiến hành thực nghiệm theo quy trình công nghệ đã xây dựng :

Quy trình thâm canh 2 giống dâu mới

1. Trồng dâu :

- Chọn đất: tốt nhất nên trồng trên đất phù sa ven sông, đất bazen khu vực Tây Nguyên hoặc đất bồi tụ trong các thung lũng vùng đồi núi . Không nên trồng trên đất đã bạc màu .

- Thời vụ trồng : có 2 thời vụ chính

Mùa mưa : trồng khi có trận mưa đầu mùa

Mùa khô : trồng từ tháng 11 đến 12/12

Tốt nhất nên trồng ở các khu vực có điều kiện tưới tiêu tốt.